

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU

TỈNH GIA LAI
Bản án số: 21/2024/HSST
Ngày 25-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lý
2. Bà Tô Thị Lành
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thy Thy - Thư ký Tòa án
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 160/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thị Thu H** (tên gọi khác: **Hiệp C**), sinh ngày 20/02/1987, tại: Gia Lai. Căn cước công dân số: 064187003424.

Nơi thường trú: **Tổ G, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; chỗ ở hiện nay: **Tổ A, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Mạnh H1**, sinh năm 1954 và bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1958.

Bị cáo có chồng là **Nguyễn Việt A**, sinh năm 1986 (ly hôn năm 2014) và có chồng là anh **Đặng Ngọc D**, sinh năm 1983 (đăng ký kết hôn năm 2023). Hiện bị cáo có 04 con (con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2020).

Tiền sự: 01 lần: Ngày 02/9/2021, **Công an thành phố P** có Quyết định số 0004491 xử phạt Vi phạm hành chính (phạt 2.500.000 đồng) về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác (bị can chưa chấp hành việc nộp tiền phạt).

Tiền án: Không.

Nhân thân: Bị cáo sử dụng trái phép và nghiện chất ma túy và bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường là 6 tháng, kết từ ngày 25/3/2015 đến ngày 25/9/2015 theo Quyết định về việc áp biện pháp giáo dục tại phường số: 44/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của **UBND phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai** (đã chấp hành xong)

Bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 đến ngày 23/6/2023, sau đó áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho tới nay. Có mặt.

2. **Trần Khắc H3** (tên gọi khác: **B**), sinh năm 1991, tại: Quảng Bình. Căn cước công dân số: 064091005781.

Nơi thường trú và nơi ở trước khi bị bắt: **Khối phố C, Thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn H4**, sinh năm 1965 và bà **Đinh Thị L**, sinh năm 1963. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Nhân thân:

- Ngày 30/01/2013 thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 65/2013/HSPT ngày 18/12/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” (theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Chấp hành án tại **Trại giam G** đến ngày 30/9/2017, chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích).

- Ngày 28/6/2018, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản án sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai, xử phạt 18 tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Chấp hành án tại **Trại giam G** đến ngày 28/12/2019, chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích).

Bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 đến ngày 23/6/2023 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố P**. Có mặt.

*** Những người tham gia tố tụng:**

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh **Đặng Ngọc D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Tổ A, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Có mặt

2. Người chứng kiến:

- Ông **Hồ Ngọc D1**, sinh năm 1964. Địa chỉ: **Tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt

- Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1972. Địa chỉ: **Tổ A, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Khắc H3 và **Lê Thị Thu H** là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội và đều có sử dụng chất ma túy; **H** quen biết nam thanh niên tên **M** (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy. Vào khoảng 11 giờ ngày 12/6/2023, **H** gọi điện thoại cho **M** hỏi mua ma túy, **M** đồng ý và hẹn gặp tại khu vực **đường P** (đoạn gần **UBND phường T**), **thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Sau đó, **H** đến địa điểm đã hẹn, gặp và mua của **M** 01 gói nilon chứa ma túy loại Heroine với giá 250.000 đồng. Sau

khi mua được ma túy, H cất giấu vào túi áo rồi mang về nhà tại **Tổ A, thị trấn I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Sau đó, H đã trích ra một ít ma túy trong gói đã mua, rồi sử dụng; số ma túy còn lại, H bỏ vào đoạn ống hút nhựa màu trắng, cất giấu trong người với mục đích ai hỏi mua thì bán.

Vào khoảng 08 giờ ngày 14/6/2023, **Trần Khắc H3** đang đi bộ tại khu vực **đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai** thì nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng nên H3 đã mượn điện thoại của T (không rõ nhân thân, lai lịch, là bạn của H3) để đăng nhập ứng dụng Zalo của H3 rồi gọi điện thoại cho H hỏi mua ma túy, Hiệp đồng ý bán cho H3 01 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy loại Heroine với giá 300.000 đồng và hẹn gặp nhau tại khu vực ghế đá tại **Quảng trường Đ, thành phố P**. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H gặp H3 tại địa điểm đã hẹn và giao cho H3 01 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy loại Heroine; H3 đưa cho H 01 tờ tiền 500.000 đồng thì H trả lại cho H3 200.000 đồng tiền **Ngân hàng N1** (02 tờ tiền 100.000 đồng). Sau khi mua được ma túy, H3 cầm ma túy trên tay đi bộ tìm nơi để sử dụng. Vào lúc 11 giờ cùng ngày, khi H3 đi đến khu vực trước **số nhà B đường C, Tổ D, phường H, thành phố P** thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - **Công an tỉnh G** phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - **Công an thành phố P**, bắt quả tang; thu giữ vật chứng, gồm: 01 đoạn ống hút nhựa màu trắng chứa chất dạng cục, bột màu trắng (đã được niêm phong theo quy định), 200.000 đồng tiền **Ngân hàng N1** (02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng).

Sau khi biết tin **Trần Khắc H3** đã bị bắt, đến 14 giờ cùng ngày, **Lê Thị Thu H** đến **Công an phường H** đầu thú, khai nhận hành vi như đã nêu trên và giao nộp 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tiền **Ngân hàng N1** mà H3 đã mua ma túy, 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung màu xanh kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984.04800.09053.12817) đã dùng để liên lạc bán ma túy.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số: 556 ngày 22/6/2023 của **phòng K - Công an tỉnh G**, kết luận: “*Chất màu trắng dạng cục bột trong 01 (một) đoạn ống nhựa (dạng ống hút) trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine; khối lượng 0,1853gam. Chất màu trắng dạng bột bám dính trong 01 (một) gói nilon trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, do lượng mẫu ít nên không cân được khối lượng chất bám dính*”.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P** chuyển theo vụ án, để xử lý gồm:

- Chất ma túy còn lại sau giám định và 01 gói nilon còn bám dính chất màu trắng dạng bột trong 02 bì công văn ghi số 556/PC09 ngày 22/6/2023, có dấu niêm phong của **phòng K - Công an tỉnh G**.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh kèm sim số cùng số tiền 700.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng tiền **Ngân hàng N1**).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P** xác định anh **Đặng Ngọc D** không biết việc H cất giấu và sử dụng ma túy tại nhà nên không có căn cứ để xử lý đối với anh D.

Đối với đối tượng **T** và **M**, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P** chưa xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung nêu trên.

Bản cáo trạng số: 182/CT-VKS ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku quyết định truy tố để xét xử đối với các bị cáo:

- **Lê Thị Thu H** về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- **Trần Khắc H3** về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Thu H** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo **Trần Khắc H3** phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Khắc H3** mức án tù 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ; hình phạt bổ sung: Không.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu H** mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án nhưng được trừ đi thời giam bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 đến ngày 23/6/2023; hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh kèm sim số và số tiền 300.000 của bị cáo **H** đã nộp.

Trả lại cho bị cáo **H** 200.000 đồng và trả lại cho bị cáo **H3** 200.000 đồng.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thấy hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người chứng kiến không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với việc vắng mặt người chứng kiến tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo **Lê Thị Thu H** và **Trần Khắc H3** tại phiên tòa là phù hợp với nhau; phù hợp với các tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định các bị cáo đã thực hiện hành vi như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 ngày 14/6/2023, tại khu vực **quảng trường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, **Lê Thị Thu H** đã bán cho **Trần Khắc H3** đoạn ống hút nhựa chứa ma túy loại Heroine với giá 300.000 đồng. Đến 10 giờ 45 phút cùng ngày, tại trước **số B đường C, Tổ D, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, khi **H3** cầm đoạn ống hút nhựa chứa ma túy trên tay phải đi tìm nơi để sử dụng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - **Công an tỉnh G** phối hợp cùng lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - **Công an thành phố P** bắt quả tang và thu giữ đoạn ống hút nhựa chứa ma túy loại Heroine có khối lượng 0,1853 gam.

Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; bị cáo **H3** vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của mình nên đã cố ý mua ma túy từ bị cáo **H** để sử dụng cho bản thân; bị cáo **H** vì háo lợi nên cố ý bán ma túy cho bị cáo **H3** để hưởng lợi.

Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo **Lê Thị Thu H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo **Trần Khắc H3** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo **H** tự nguyện ra đầu thú khai nhận hành vi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và bị cáo **H** được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Các bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo **H** có 01 tiền sự bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; bị cáo **H3** đã có 02 tiền án (đã xóa án tích) về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo đều là người nghiện ma túy. Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Xét, khối lượng ma túy các bị cáo mua bán, tàng trữ nhằm mục đích sử dụng là thấp so với mức quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **H** tự nguyện đầu thú khai nhận hành vi mua bán ma túy của mình giúp nhanh chóng kết thúc điều tra và hiện đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Về hình phạt bổ sung: Hiện các bị cáo không có tài sản và không có thu nhập ổn định; bị cáo **H** phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nhưng số tiền thu lợi không cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với ma túy còn lại sau giám định là vật thuộc loại nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo **H** sử dụng 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh kèm sim số là tài sản của mình trong việc trao đổi, mua bán ma túy nên đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Trong số tiền 500.000 đồng của bị cáo **H** nộp, có 300.000 đồng là tiền mua bán ma túy mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; trả lại cho bị cáo **H** 200.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của bị cáo **H3**, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo số tiền này.

[7] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P** tiếp tục điều tra, xác minh các đối tượng tên **T** và **M** chưa xác định được nhân thân, lai lịch để điều tra, xử lý theo quy định.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Thu H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo **Trần Khắc H3** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ các Khoản 1 Điều 251, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị Thu H** 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án nhưng được trừ đi thời giam bị tạm giữ từ ngày 14/6/2023 đến ngày 23/6/2023.

- Căn cứ các điểm c Khoản 1 Điều 249, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Khắc H5** 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 14/6/2023).

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy ma túy loại Heroine còn lại sau giám định đựng trong 01 bì công văn ghi số 556/PC09 ngày 22/6/2023, có dấu niêm phong của **phòng K - Công an tỉnh G**.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các tài sản của bị cáo **Lê Thị Thu H** gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh kèm sim số và số tiền 300.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Lê Thị Thu H** 200.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo **Trần Khắc H3** 200.000 đồng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/10/2023, giữa: Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku)

3. Căn cứ Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo **Lê Thị Thu H** và **Trần Khắc H3**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên